TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 9 - 2018
V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Liêm;

2. Bà Võ Thị Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thùy Trang, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 171/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2018; về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Ch, sinh năm: 1978 *(Có mặt)*.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Võ Văn D, sinh năm: 1973 *(Có mặt)*.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Ch trình bày: Chị và anh Võ Văn D thông qua mai mối và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 1997; nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định; việc anh chị chung sống với nhau là tự nguyện, không bị cưỡng ép, lừa dối. Trong thời gian chung sống, anh chị thường bất đồng ý kiến với nhau; anh D thường hay ghen, mắng chửi và đánh chị; trước đây,

chị vì con nên chung sống với anh D, nhưng đến nay anh D vẫn không thay đổi. Từ tháng 5/2018, anh chị sống ly thân; chị đến sinh sống và làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian ly thân, chị và anh D không hàn gắn tình cảm lại được; hiện nay, chị không còn tình cảm với anh D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D theo quy định.

Về con chung: Chị và anh D có 02 người con chung tên Võ Hoài N, sinh ngày 09/4/2000 và Võ Thị Minh Th, sinh ngày 11/11/2008. Hiện nay, cháu N đã đủ 18 tuổi và đang học nghề tại thành phố Hồ Chí Minh; còn cháu Th đang sống chung với chị. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi dưỡng đối với cháu N, do cháu N hiện nay đã đủ 18 tuổi; chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Th, đến khi cháu Th đủ 18 tuổi; chị không có yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh D tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp - hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Võ Văn D trình bày:* Anh và chị Ch quen biết, tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 1997, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định; việc anh chị chung sống với nhau là tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối. Trong thời gian chung sống, anh và chị Ch có mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng; anh có ghen, có đánh chị Ch do phát hiện chị Ch không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người khác. Từ tháng 5/2018 đến nay thì anh chị ly thân với nhau; trong thời gian ly thân, anh có hàn gắn tình cảm nhưng chị Ch không đồng ý. Nay chị Ch yêu cầu ly hôn, thì anh thống nhất ly hôn với chị Ch theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Võ Hoài N, sinh ngày 09/4/2000 và Võ Thị Minh Th, sinh ngày 11/11/2008; hiện nay, hai cháu đang sống chung với chị Ch. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi dưỡng đối với cháu N, do cháu N hiện nay đã đủ 18 tuổi; anh không thống nhất giao cháu Th cho chị Ch nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th, đến khi cháu Th đủ 18 tuổi; anh không có yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Ch tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa chị Lê Thị Ch và anh Võ Văn D làm phát sinh tranh chấp " Ly hôn và nuôi con" được quy định tại các Điều 9, 14, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật; về thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Ch và anh Võ Văn D được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép; nhưng anh chị chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay chị Ch yêu cầu ly hôn và anh D thống nhất ly hôn, nên làm phát sinh tranh chấp.

Xét việc chị Ch và anh D chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn, là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch; việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"*.

Và theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 như sau: *"Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình"*.

Vì vậy, căn cứ vào quy định trên, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Ch và anh Võ Văn D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Đối với cháu Võ Hoài N, sinh ngày 09/4/2000 hiện nay cháu N đã đủ 18 và có cuộc sống tự lập, cháu N muốn sống với cha hay mẹ là tùy ở cháu quyết định; nên chị Ch và anh D không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về quyền nuôi con đối với cháu Võ Hoài N; do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

Riêng cháu Võ Thị Minh Th, sinh ngày 11/11/2008; tại phiên tòa hôm nay chị Ch và anh D thống nhất thỏa thuận giao cháu Th cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Th đủ 18 tuổi; anh D thống nhất cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Th theo quy định, mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định vào từng thời điểm cấp dưỡng; thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 25/9/2018 đến khi cháu Võ Thị Minh Th đủ 18 tuổi. Đồng thời, hiện nay cháu Th đã có bản khai trình bày nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với chị Ch. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Ch và anh D là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ch và anh D thống nhất thỏa thuận với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Ch và anh D. Về con chung: Đề nghị Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị Ch và anh D; giao cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Thị Minh Th, đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, anh D thống nhất cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Th theo quy định; riêng đối với cháu Võ Hoài N đã đủ 18 tuổi, chị Ch và anh D không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ch và anh D tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị Ch và anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Ch và anh Võ Văn D.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị Ch và anh D, giao cho chị Ch được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Thị Minh Th, sinh ngày 11/11/2008 đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị Lê Thị Ch, mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định vào từng thời điểm cấp dưỡng; thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 25/9/2018 đến khi cháu Võ Thị Minh Th đủ 18 tuổi.

- Riêng đối với cháu Võ Hoài N, sinh ngày 09/4/2000 hiện nay cháu N đã đủ 18, chị Ch và anh D không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Anh D và chị Ch có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ch và anh D tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Thị Ch phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn; được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo

biên lai thu số 0001787, ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Võ Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thành Triều